

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2023
V/v: Tranh chấp về thay đổi
người trực tiếp nuôi con sau
khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huệ và ông Chu Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2023/TLST - HNGĐ ngày 31/7/2023 về việc “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1985. nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn x, xã T, huyện Th, thành phố Hải Phòng. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Mai Thị Bé L, sinh năm 1992; nơi đăng ký thường trú: Thôn 4 Ngõ Khê, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

3. Những người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

- Chị Trần Thùy G, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn x, xã T, huyện Th, thành phố Hải Phòng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh Trần Văn K trình bày:

Anh tổ chức lễ cưới với chị Mai Thị Bé L vào năm 2015 và đăng ký kết hôn với chị L năm 2016. Chị L quê ở xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh không nhớ chị L ở thôn, xóm nào của xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Sau ngày cưới anh và chị L về chung sống tại gia đình anh ở thôn x, xã T, huyện Th, thành phố Hải Phòng đến ngày 08/7/2022 thì anh và chị L thuận tình ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự tham gia hòa giải tại Tòa án số 256/2022/QĐCNTTLH ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Th, thành phố Hải Phòng đã giao cho anh được nuôi dưỡng cháu Trần Trung H, sinh ngày 18/9/2014 và chị L được nuôi dưỡng cháu Trần Bảo Ng, sinh ngày 12/01/2017.

Sau ly hôn, chị L đã mang cháu Ng rời khỏi nhà anh; do chị L không nói cho anh biết chị L ở đâu nên anh cũng không biết chị L và cháu Ng ở đâu. Đến đầu tháng 10/2022 anh trai chị L là anh Mai Văn Tr điện thoại cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị Ch nói là chị L đang gửi cháu Ng cho anh Tr nuôi nhưng do cháu Ng là cháu nội của bà nên mong bà đón cháu Ng về nuôi cho gần gũi. Sau đó mẹ anh nói với anh thì anh có nhờ em gái là Trần Thùy G gọi điện cho chị L vì nếu anh gọi thì chị L không nghe máy. Chị G gọi điện cho chị L nói muốn đón cháu Ng về cho anh nuôi thì chị L đồng ý. Sau đó cũng trong tháng 10/2022 (anh không nhớ ngày cụ thể) thì anh, bố mẹ anh, chị G và một số người nữa đến nhà anh Tr ở xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang đón cháu Ng về ở cùng (anh cũng không nhớ anh Tr ở thôn, xóm nào của xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang). Từ khi anh đón cháu Ng về ở cùng thì chị L chỉ gọi điện thoại qua mẹ anh để nói chuyện với cháu Ng chứ không trực tiếp về thăm cháu cũng như không gửi bất kỳ khoản tiền hay tài sản gì để cho anh nuôi cháu Ng.

Đến đầu tháng 7/2023 khi anh làm thủ tục đi học lớp 1 cho cháu Ng thì nhà trường có yêu cầu phải có văn bản đồng ý của chị L để anh làm thủ tục nhập học cho cháu. Anh tiếp tục nhờ chị G gọi điện thoại cho chị L để làm thủ tục nhập học cho cháu Ng. Tuy nhiên chị L nói là chị L và cháu Ng đã đăng ký thường trú tại xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; đồng thời do chị L không sinh sống ở đó nên không làm thủ tục được, nếu muốn làm thì phải đưa tiền; anh không đồng ý thì chị L cũng không làm thủ tục. Anh đã đến cơ quan Công an để kiểm tra thì đúng chị L và cháu Ng đã được đăng ký thường trú tại hộ ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nay anh xác định hiện tại anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng nhưng chị L lại gây khó khăn cho anh trong việc chăm lo việc học hành của cháu. Để có thể làm thủ tục cho cháu Ng nhập học thì anh đề nghị Tòa án thay đổi quyền trực tiếp nuôi cháu Ng từ chị L sang cho anh. Anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Ng cùng anh.

Anh xác định hiện anh không biết chị L ở đâu và cũng không nhớ địa chỉ cụ thể của gia đình bố mẹ, anh chị em của chị L ở đâu để cung cấp cho Tòa án.

Ngoài ra anh K không còn ý kiến gì khác.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - chị Mai Thị Bé L không tham gia tố tụng giải quyết vụ án tại Tòa án nên không có quan điểm trình bày.

[3] Tại phiên tòa; Anh K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giao cho anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh thì anh xin tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, chị Trần Thị G trình bày nội dung như những gì anh K đã trình bày, chị không bổ sung gì thêm.

* Tại phiên tòa; cháu Trần Bảo Ng trình bày: Cháu được bố K đón về ở cùng từ nhà bác Tr; sau khi về ở với bố thì mẹ L thỉnh thoảng có gọi điện thoại nói chuyện. Nay cháu muốn tiếp tục được ở cùng bố K và ông bà nội.

[4] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Các điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn K về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Giao cháu Trần Bảo Ng cho anh K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi cháu Ng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của anh K; buộc anh K chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*”; bị đơn - chị Mai Thị Bé L đăng ký thường trú tại thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị L mặc dù đăng ký thường trú tại thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam nhưng chị L không sinh sống tại đây. Bằng liên lạc qua điện thoại thì chị L đã được Tòa án thông báo cho biết rằng Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đang thụ lý giải quyết đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Trần Văn K, đồng thời yêu cầu chị L cung cấp địa chỉ nơi đang sinh sống để Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và về tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án tuy nhiên chị L không cung cấp địa chỉ và cũng không về tham gia tố tụng tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi chị L đăng ký thường trú theo quy định.

Xét thấy: Mặc dù biết Tòa án nhân dân huyện B đang thụ lý giải quyết vụ án yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo đơn khởi kiện của anh Trần Văn K và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị L vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Xét yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi cháu Trần Bảo Ng, sinh ngày 12/01/2017 của anh Trần Văn K; Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận vì:

*** Thứ nhất:**

- Tại lời khai của người làm chứng là anh Nguyễn Văn Đ đã trình bày: Anh không có quan hệ họ hàng gì với chị Mai Thị Bé L. Đầu năm 2022 con trai di ruột anh có nhờ anh tìm một cháu bé để nhận làm con nuôi do vợ chồng hiếm muộn. Sau đó vợ chồng anh đã nhờ mọi người tìm kiếm. Đến khoảng đầu tháng 4/2022 thì có một người con gái tự xưng là Mai Thị Bé L đến nhà anh mang theo một cháu gái sơ sinh để vợ chồng anh làm thủ tục nhận con nuôi. Vợ chồng anh và chị L thống nhất là vợ chồng anh nhận cháu bé làm con nuôi và hỗ trợ chị L 20.000.000 đồng. Trong quá trình vợ chồng anh làm thủ tục nhận con nuôi tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam thì chị L có nhờ vợ chồng anh chị cho đăng ký thường trú trong hộ gia đình anh để chị L làm căn cước công dân tại Công an xã B. Do nề nang nên vợ chồng anh đã cho chị L và cháu Ng đăng ký thường trú trong hộ gia đình anh tuy nhiên chị L và cháu Ng không về chung sống. Sau khi hoàn thành thủ tục nhận con nuôi đối với cháu bé gái sơ sinh tên là Mai Hương G thì vợ chồng anh vẫn liên lạc với chị L qua điện thoại và chị L thỉnh thoảng vẫn xin tiền vợ chồng anh. Có lần qua điện thoại thì chị L có nhờ vợ chồng anh tìm xem có ai nhận cháu Ng làm con nuôi không; vợ chồng anh có hỏi nếu có người nhận nuôi thì phải hỗ trợ chị L bao nhiêu tiền thì chị L có nói là 01 tỷ đồng. Vợ chồng anh nói hỗ trợ số tiền lớn như vậy thì ai nhận nuôi thì chị L không nói gì nữa.

+ Căn cứ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại tòa án số 256/2022/QĐCNTTLH ngày 08/7/2022 của

Tòa án nhân dân huyện Th, thành phố Hải Phòng; căn cứ lời khai của anh Đ và Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước số 01/2023 ngày 25/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định sau khi ly hôn anh K thì chị L đã sinh một bé gái tên Mai Hương G vào ngày 14/4/2023 và chị L đã làm thủ tục để anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị H làm cha mẹ nuôi và hiện nay anh Đ chị H đang trực tiếp nuôi cháu Giang.

- Tại lời khai người làm chứng là chị Trần Thùy G trình bày: Chị là chị gái của anh Trần Văn K. Khi Tòa án nhân dân huyện Th, thành phố Hải Phòng giải quyết ly hôn thì Tòa án đã giao anh K được nuôi cháu Trần Trung H, sinh ngày 18/9/2014 và chị L được nuôi dưỡng cháu Trần Bảo Ng, sinh ngày 12/01/2017. Ly hôn xong thì chị L mang cháu Ng rời khỏi nhà bố mẹ chị. Đến đầu tháng 10/2022 mẹ chị là bà Nguyễn Thị Ch nói chuyện với chị về việc anh trai chị L là anh Mai Văn Tr điện thoại nói chuyện với bà là chị L đang gửi cháu Ng cho anh Tr nuôi nhưng do cháu Ng là cháu nội của bà nên anh Tr mong bà đón cháu Ng về nuôi cho gần gũi. Chị hỏi anh K thì anh K nhờ chị gọi điện cho chị L để hỏi ý kiến về việc gia đình chị đón cháu Ng về nuôi. Chị gọi điện cho chị L nói gia đình chị muốn đón cháu Ng về cho anh K nuôi thì chị L đồng ý. Sau đó chị cùng bố mẹ chị, anh K và một số người nữa đến nhà anh Tr ở xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang đón cháu Ng về ở cùng anh K (chị không nhớ anh Tr ở thôn, xóm nào của xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang). Đến đầu tháng 7/2023 khi anh K tiếp tục nhờ chị gọi điện thoại cho chị L để nói chị L làm giấy tờ liên quan đến hộ khẩu của cháu Ng gửi cho anh K để anh K làm thủ tục nhập học cho cháu Ng. Chị gọi điện cho chị L thì chị L nói là chị L và cháu Ng đang đăng ký thường trú tại xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; đồng thời do chị L không sinh sống ở đó nên không làm thủ tục được, nếu muốn làm thì phải đưa tiền cho chị L đi lại. Tuy nhiên do gia đình chị không đồng ý đưa tiền cho chị L nên chị L không làm thủ tục giấy tờ để anh K làm thủ tục nhập học lớp 1 cho cháu Ng. Sau đó mẹ chị có gọi điện cho chị L nói nếu không làm thủ tục cho cháu Ng thì chị L về đón cháu Ng đi nhưng không thấy L không về đón. Do vậy anh K mới làm thủ tục khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi cháu Ng sau ly hôn. Sau khi Tòa án nhân dân huyện B thụ lý đơn khởi kiện của anh K thì chị có điện thoại nói cho chị L nhưng thuê bao của chị L không còn liên lạc được.

+ Như vậy việc hiện anh K đang trực tiếp nuôi cháu Ng là đã được sự đồng ý của chị L; đồng thời chị L cũng không tạo điều kiện về giấy tờ để cháu Ng có thể thuận lợi trong việc làm thủ tục nhập học lớp 1.

*** Thứ hai:** Từ khi anh K đón cháu Ngọc về sinh sống tại thôn x, xã T, huyện Th, thành phố Hải Phòng thì chị L không có việc làm thăm nom hay đón cháu Ngọc về chung sống. Hiện cháu Ng đã đến tuổi đi học lớp 1 cấp tiểu học; mặc dù được gia đình anh K đề nghị nhưng do chị L không cung cấp giấy tờ liên quan nên cháu Ng chưa được nhập học.

Xét tại phiên tòa, khi được hỏi thì cháu Ng cũng trả lời cháu được bố là anh K đón về từ nhà bác Tr; hiện nay cháu muốn tiếp tục ở cùng với anh K.

*** Từ những chứng cứ nêu trên,** Hội đồng xét xử thấy rằng sau khi ly hôn anh K được một thời gian thì chị L không trực tiếp nuôi cháu Ng và có ý định tiếp tục làm thủ tục giao cháu Ng cho người khác nhận nuôi con nuôi. Đồng thời hiện cháu Ng đang ở với anh K nhưng chị L không cung cấp giấy tờ để cháu nhập học lớp 1. Do vậy Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xác định chị L không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đồng thời xét thấy chị L mặc dù đã biết Tòa án nhân dân huyện B đang thụ lý giải quyết vụ án yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo đơn khởi kiện của anh Trần Văn K nhưng chị L không tham gia tố tụng tại Tòa án; điều này cũng thể hiện thái độ bỏ mặc của chị L trong việc anh K đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi cháu Ng sau ly hôn.

Từ phân tích trên; để đảm bảo quyền được học hành của cháu Ng; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn K về việc đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi cháu Trần Bảo Ng, sinh ngày 12/01/2017 sau khi ly hôn từ chị Mai Thị Bé L sang cho anh Trần Văn K.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K; giao cho anh K là người trực tiếp nuôi cháu Ng do đó chị L là người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên xét thấy mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án chị L không tham gia tố tụng, không có quan điểm về án phí dân sự sơ thẩm nhưng anh K đã tự nguyện đề nghị được chịu án phí dân sự sơ thẩm. Việc tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm của anh K phù hợp với điều kiện kinh tế của anh K và chị L, không trái quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này của anh K; buộc anh K chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi cháu Trần Bảo Ng, sinh ngày 12/01/2017 sau khi ly hôn của anh Trần Văn K.

Giao cháu Trần Bảo Ng, sinh ngày 12/01/2017 cho anh Trần Văn K nuôi dưỡng.

Anh K và các thành viên gia đình anh K không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn K; buộc anh K phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh K đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện B, tỉnh Hà Nam theo biên lai số AA/2021/0000601 ngày 31/7/2023 thành án phí dân sự sơ thẩm mà anh K phải chịu. (Anh K đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho anh K biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Báo chị L biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B; huyện B;
- UBND xã T, huyện Th, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)